

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 4 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 83, đường Lý Văn L, khóm 5, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Xuân S, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 325, đường Lý Thái T, khóm 2, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trịnh Xuân S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, chị T cho rằng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, cách sinh hoạt trong đời sống hàng ngày và mâu thuẫn về tiền bạc nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị T xác định không còn tình cảm với anh S. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung là Trịnh Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 27/3/2016 và Trịnh Nguyễn Xuân Ngân, sinh ngày 29/5/2018. Hiện các con đang chung sống với anh chị nhưng khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 2.500.000đ, hai cháu là 5.000.000đ. Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu chỉ nhận nuôi cháu Ngân, còn cháu Mai giao cho anh S nuôi, không cấp dưỡng và cũng không đặt ra yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Ngọc T khai có. Khi ly hôn, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa chị và anh S tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung, chị Nguyễn Thị Ngọc T khai không có.

Đối với anh Trịnh Xuân S, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Trịnh Xuân S đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S.

[2] Về hôn nhân, anh S và chị T chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, chị T khai nhận mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống và mâu thuẫn về kinh tế gia đình từ đó giữa vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Vì vậy, chị không thể tiếp tục chung sống với anh S được, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh S. Trường hợp Tòa án giải quyết không cho ly hôn, chị cũng không chung sống với anh S. Riêng anh S tuy đã được triệu tập hợp lệ, song anh vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, anh S không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của chị T. Cho nên, lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Với mâu thuẫn nêu trên, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung là Trịnh Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 27/3/2016 và Trịnh Nguyễn Xuân Ngân, sinh ngày 29/5/2018. Hiện các con đang chung sống với anh, chị. Khi ly hôn, chị T nhận nuôi cháu Ngân và giao cháu Mai cho anh S nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

Mặc dù, anh S đã được triệu tập hợp lệ và biết được nội dung yêu cầu của chị T nhưng anh không đến và cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét. Dù vậy, chị T cho rằng anh S có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, việc chị giao cháu Mai cho anh S nuôi nhằm bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu tốt hơn về mọi mặt và nhằm san sẻ gánh vác trách nhiệm nuôi con cùng chị. Do đó, yêu cầu của chị T về con là có cơ sở.

Đối với việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của các con, đảm bảo cho cuộc sống của các cháu được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Ngân cũng không cấp dưỡng cho cháu Mai – Đây là ý chí tự nguyện của chị nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Ngọc T khai có nhưng giữa chị và anh S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung, chị Nguyễn Thị Ngọc T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc xin ly hôn anh Trịnh Xuân S.

- Về con chung, giao cháu là Trịnh Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 27/3/2016 cho anh Trịnh Xuân Sg chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Trịnh Nguyễn Xuân Ngân, sinh ngày 29/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh S và chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Ngọc T khai có nhưng giữa chị T và anh Trịnh Xuân S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Nguyễn Thị Ngọc T khai không có, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 12/01/2021, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000492 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân